TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số 86/2018/DSPT
Ngày 23-4-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Huyền Trân

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Ngọc Linh

Ông Cao Minh Lễ

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà: Nguyễn Thị Cẩm Hường - Thư ký Tòa án

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang*** Ông Nguyễn Ngọc Bình - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 23 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2018/TLPT-DS ngày 01 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 31/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Tịnh B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 65/2018/QĐPT-DS ngày 01 tháng 3 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 56/2018/QĐ-PT ngày 22 tháng 3 năm 2018 và Thông báo số 370/TB-TA ngày 09/4/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Ngọc H, sinh năm 1958.(vắng mặt)

Cư trú: số 155, đường Nguyễn Văn Th, phường Châu Ph, thành phố Châu Đ, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn*:

2.1 Ông Vi Văn S, sinh năm 1961.(có mặt)

2.2 Bà Trần Thị Th, sinh năm 1964.(có mặt)

Cùng cư trú: số 421, tổ 8, khóm Hòa Th, thị trấn Nhà B, huyện Tịnh B, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông S, bà Th: Luật sư Phan Đăng H – Văn phòng luật sư Vạn L thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ. (có mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Lê Văn T, sinh năm 1955 (chết)

3.2 Bà Trần Thị M, sinh năm 1956.(vắng mặt)

Cùng cư trú: khóm Hòa Th, thị trấn Nhà B, huyện Tịnh B, tỉnh An Giang.

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T:

3.1.1 Bà Trần Thị M, sinh năm 1956. (vắng mặt)

3.1.2 Chị Lê Thị Kim Ph, sinh năm 1985. (vắng mặt)

3.1.3 Chị Lê Thị Phương H, sinh năm 1988. (vắng mặt)

3.1.4 Anh Lê Thị Phương L, sinh năm 1992. (vắng mặt)

3.1.5 Anh Lê Thành Tr, sinh năm 1993. (vắng mặt)

3.1.6 Cháu Lê Nhựt H sinh năm 2005. (vắng mặt)

Cùng cư trú: khóm Hòa Th, thị trấn Nhà B, huyện Tịnh B, tỉnh An Giang.

4. Người kháng cáo**:** bị đơn Vi Văn S và Trần Thị Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung án sơ thẩm:

1. Nguyên đơn ông Lê Ngọc H trình bày:

Vào ngày 9/3/2015, ông có cho ông Vi Văn S, bà Trần Thị Th vay số tiền 1.250.000.000 đồng, mục đích cho vay để ông S, bà Th đáo hạn Ngân hàng, khi vay có làm hợp đồng vay nhận tiền nợ ngày 9/3/2015 và tờ cam kết ngày 09/3/2015, ký tại nhà ông S, bà Th, cùng có ông Lê Văn T, bà Trần Thị M ký cam kết, thừa kế nghĩa vụ.

Sau khi ông S, bà Th thanh toán nợ cho Ngân hàng Đầu tư phát triển chi nhánh Châu Đ xong và giải chấp. Đến ngày 13/3/2015 ông S, bà Th liên hệ phía Ngân hàng Đầu tư phát triển chi nhánh Tịnh B để vay tiền, nhưng không được sự chấp nhận từ phía Ngân hàng và Ngân hàng đã gởi trả toàn bộ các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) ông đã nhận lại các giấy tờ nầy có làm biên nhận tài sản ngày 13/3/2015. Cách vài ngày sau, ông có đưa cho ông S một quyền sử dụng đất tên Vi Văn S, số thửa 94 bản đồ số 18, diện tích 1.811,4m^2 để ông S làm thủ tục xin cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 25/3/2015 ông cùng với ông S đến Phòng tài nguyên môi trường huyện Tịnh B nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp đổi, lúc nầy ông có đưa lại cho ông S toàn bộ các hồ sơ giấy chính mà

ông đã làm B nhận giữ ngày 13/3/2015 cho ông S để ông S liên hệ Ngân hàng Viettinbank chi nhánh thị trấn Nhà B vay tiền để trả lại cho ông. Phía Ngân hàng Viettinbank chi nhánh thị trấn Nhà B chấp nhận cho ông S, bà Th vay 1.300.000.000 đồng,nhưng khi giải ngân bằng cách chuyển khoản 735.000.000 đồng cho Công ty Lam Sơn ở TP-HCM trả tiền hàng nước tăng lực (Thái Lan) mà ông S đã hợp đồng, số tiền vay còn lại thì Ngân hàng không giải ngân nữa cho ông S. Từ đó ông S không có tiền để thanh toán nợ cho ông. Ông đã nhiều lần nhắc nhở, nhưng phía ông S, bà Th vẫn không thực hiện trả nợ, mặc dù ông S, bà Th có làm giấy cam đoan đến ngày 30/4/2015 sẽ thanh toán dứt nợ (trong đó gồm tiền gốc là 1.250.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 9/3/2015 đến ngày 15/3/2015 là 31.250.000 đồng, lãi suất giữa ông và ông S, bà Thiết thỏa thuận). Khi đến hạn ông S, bà Th vẫn không thực hiện theo như cam kết. Ngày 16/5/2015 ông có làm đơn gởi Công an huyện Tịnh B yêu cầu xử lý hình sự đối với ông S, bà Th. Tại cơ quan điều tra, ông S, bà Th đã thừa nhận nợ và hứa sẽ trả nợ, nhưng đến ngày 23/7/2015 chỉ nộp tiền tại cơ quan điều tra trả cho ông với số tiền là 85.000.000 đồng thì không trả nữa. Như vậy trong quá trình vay thì ông S, bà Thiết có trả được 245.000.000 đồng (bằng tờ theo dõi cho vay thu nợ và thu lãi) cụ thể như sau:

- Ngày 13/3/2015 trả 5.000.000 đồng.
- Ngày 10/4/2015 trả 33.000.000 đồng.
- Ngày 13/4/2015 trả 18.000.000 đồng.
- Ngày 21/4/2015 trả 50.000.000 đồng.
- Ngày 22/4/2015 trả 4.000.000 đồng.
- Ngày 01/5/2015 trả 50.000.000 đồng.
- Ngày 23/7/2015 trả 85.000.000 đồng (nhận tại cơ quan điều tra).

Ông thấy rằng việc vay này chỉ là ông S và bà Th vay, nên ông không yêu cầu ông T, bà M có trách nhiệm trả nợ trong vụ án này.

Nay ông yêu cầu ông S, bà Thiết trả ông số nợ còn lại là 1.005.000.000 đồng (1.250.000.000 đồng – 245.000.000 đồng) và yêu cầu tính lãi suất theo quy định từ ngày 23/7/2015 cho đến nay.

2. Bị đơn ông S, bà Th trình bày:

Ông S, bà Th thừa nhận có vay của ông H số tiền 1.250.000.000 đồng theo hợp đồng vay nhận nợ ngày 09/3/2015, thời hạn trả vào ngày 11/3/2015 và có giao cho ông H giữ các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông S, bà Th, ông T, bà M đứng tên theo biên nhận tài sản ngày 13/3/2015. Tuy nhiên đến ngày 30/3/2015 ông S, bà Th đã thanh toán đầy đủ số tiền nợ cho ông H và ông H đã thực hiện đúng theo thỏa thuận tại khoản 2 Điều 3 của hợp đồng vay nợ ngày 09/3/2015 trả lại tài sản là các giấy chứng nhận QSDĐ bản chính mà ông H đã nhận cho ông S, bà Th, ông T, bà M. Như vậy, từ lúc ông H trả lại tất cả các giấy tờ cho những người có tên nói trên là ông S, bà Th đã thanh toán nợ xong cho ông H. Do đó việc ông H khởi kiện yêu cầu ông S, bà

Th trả nợ cho ông H là không có cơ sở, đề nghị TAND huyện Tịnh B bác yêu cầu khởi kiện của ông H.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- *Bà Trần Thị M trình bày:*

Đối với bà M đã thừa nhận có nhận lại các giấy tờ quyền sử dụng đất của mình và khẳng định ông S, bà Th đã thanh toán nợ xong cho ông H.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 31/2017/DS-ST, ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh B, tỉnh An Giang, tuyên xử:

-Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Ngọc H:

Buộc ông Vi Văn S, bà Trần Thị Th cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lê Ngọc H số tiền 1.215.648.000 đồng (Một tỷ hai trăm mười lăm triệu sáu trăm bốn mươi tám ngàn).

-Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Vi Văn S, bà Trần Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng).

Hoàn trả cho ông Lê Ngọc H số tiền tạm ứng án phí 23.636.250 đồng (Hai mươi ba triệu sáu trăm ba mươi sáu ngàn hai trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006133 ngày 16/11/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tịnh B, tỉnh An Giang.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về yêu cầu thi hành án, lãi suất quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12 tháng 10 năm 2017 ông Vi Văn S và bà Trần Thị Th có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 31/2017/DS-ST, ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh B, tỉnh An Giang.

Các đương sự còn lại không kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh B không kháng nghị.

Xét đơn kháng cáo của ông Vi Văn S, bà Trần Thị Th đối chiếu với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào kết quả đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, lời khai của các đương sự, kết quả tranh luận, và phát biểu của các vị Luật sư, của đại diện Kiểm sát viên tỉnh An Giang. Sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Vi Văn S, bà Trần Thị Th trong hạn luật định có tạm nộp án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu vắng mặt nên phiên tòa xét xử vắng mặt các ông bà.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Luật sư Phan Đăng H trình bày:

Đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, hủy bản án dân sự sơ thẩm do cấp sơ thẩm vi phạm về thủ tục tố tụng và nội dung về hướng giải quyết vụ án. Vi phạm về tố tụng là cấp sơ thẩm áp dụng các điều luật của Bộ luật dân sự 2015 là không đúng qui định, về nội dung thì ông S, bà Th đã trả dứt nợ cho phía ông H nên việc cấp sơ thẩm buộc ông S, bà Th chịu trách nhiệm trả nợ là không đúng với qui định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng vụ án:

Việc tuân theo pháp luật, thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về hướng đề xuất giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông S, bà Th giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 31/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh B, tỉnh An Giang do người kháng cáo không cung cấp được chứng cứ mới nên không có căn cứ xem xét.

Xét nội dung của vụ án và căn cứ lời khai nhận của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm trên cơ sở các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ, kết quả tranh luận và ý kiến của Luật sư của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Việc ông Lê Ngọc H khởi kiện yêu cầu ông Vi Văn S, bà Trần Thị Th phải trả số tiền vay còn nợ 1.005.000.000đ và tiền lãi theo quy định pháp luật tính từ ngày 23/7/2015 đến nay. Phía ông S, bà Th cho rằng sau khi vay, ngày 30/3/2015 ông bà đã trả xong nợ cho ông H theo biên nhận tài sản ngày 13/3/2015 do ông H lập và ký tên. Nhưng ông S, bà Th không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cụ thể việc ông bà đã có trả cho ông H số tiền trên là có thật. Cấp sơ thẩm buộc ông bà có nghĩa vụ trả nợ cho ông H là có căn cứ, ông bà không đồng ý nên yêu cầu kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Nhận thấy, tại giấy cam đoan trả nợ ngày 15/3/2015 thể hiện nội dung sau 02 ngày mà phía ông S, bà Th không trả dứt nợ cho ông H thì ông bà cam kết đến ngày 30/4/2015 sẽ trả hoàn tất khoản nợ trên cho ông H. Tại phần phụ chú ghi ngày 15/4/2015 ông S, bà Th cam kết đến ngày 30/4/2015 ông bà sẽ nổ lực để trả nợ cho ông H, phần còn lại bao nhiêu sẽ thương lượng tiếp theo nhưng vẫn không thực hiện cho đến nay. Ngoài ra tại bản tự khai và biên bản

hòa giải ngày 24/3/2016 ông S, bà Th thừa nhận nợ ông H 1.005.000.000 đồng, do làm ăn thua lỗ không có khả năng trả dứt số nợ một lần, yêu cầu được trả dần số nợ, cụ thể đến năm 2017, 06 tháng đầu năm trả lãi, 06 tháng tiếp theo, mỗi tháng trả 20.000.000 đồng, qua năm 2018 mỗi tháng trả 50.000.000 đồng cho đến hết số nợ. Việc ông S, bà Th cho rằng đã trả xong nợ cho ông H vào ngày 30/3/2015 là không có cơ sở để chấp nhận. Do ông S, bà Th vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, buộc ông Vi Văn S, bà Trần Thị Th cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lê Ngọc H số tiền 1.215.648.000đ là có căn cứ.

[2] Đối với ý kiến của luật sư về việc cho rằng cấp sơ thẩm áp dụng sai các điều luật là không có căn cứ bởi giao dịch dân sự giữa ông S, bà Th và ông H vẫn chưa thực hiện xong và thời điểm cấp sơ thẩm đưa vụ án ra xét xử là ngày 29/9/2017 là thời điểm Bộ luật dân sự 2015 đã có hiệu lực nên cấp sơ thẩm áp dụng Bộ luật dân sự 2015 để làm căn cứ giải quyết vụ án là phù hợp với qui định pháp luật do đó không phải hủy bản án dân sự sơ thẩm.

Ông Vi Văn S, bà Trần Thị Th kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ mới nên không có cơ sở để xem xét.

Do đó Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thống nhất đề nghị của Viện kiểm sát giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông S, bà Th.

[3] Về án phí phúc thẩm:

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông S, bà Th phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Vi Văn S, bà Trần Thị Th.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 31/2017/DSST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh B, tỉnh An Giang. Bản án dân sự sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

"Buộc ông Vi Văn S, bà Trần Thị Th cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lê Ngọc H số tiền 1.215.648.000 đồng (Một tỷ hai trăm mười lăm triệu sáu trăm bốn mươi tám ngàn)"

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Vi Văn S và bà Trần Thị Th phải chịu án phí dân sự phúc thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0015892 ngày 12/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh B, tỉnh An Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao;
- VKSND An Giang;
- Phòng KTNV-THA;
- TAND huyện;
- THA huyện;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Thị Huyền Trân

Nơi nhận:
- TAND Cấp Cao;
- VKSND.AG;
- TAND huyện;
- THA huyện;
- Phòng KTNV-THA;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Đương sự "Để thi hành";
- Lưu hồ sơ ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Thái Thị Huyền Trân